

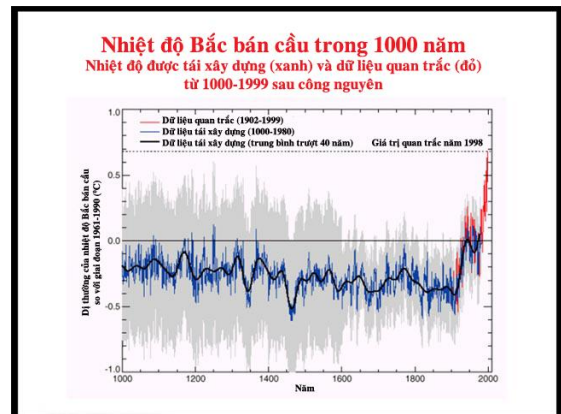
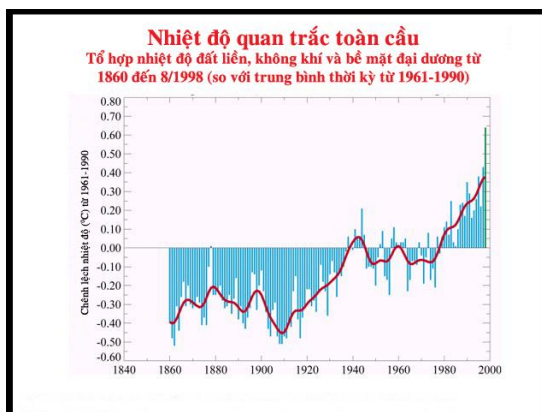
**NGHỊ ĐỊNH THỎ KYOTO,  
CƠ CHẾ PHÁT TRIỂN SẠCH  
VÀ VẬN HỘI MỚI**

**Ha Noi, 4-2005**

## 1. Biến đổi khí hậu toàn cầu

Kể từ cuộc cách mạng công nghiệp đến nay các hoạt động của con người đã phát thải ra nhiều loại khí nhà kính (KNK) như: các-bon đi-ô-xít ( $\text{CO}_2$ ), mê-tan ( $\text{CH}_4$ ), ô-xít ni-tơ ( $\text{N}_2\text{O}$ ) và một số loại khí công nghiệp khác ảnh hưởng xấu đến khí hậu toàn cầu. Việc tăng nồng độ KNK dẫn đến tăng nhiệt độ trung bình trên Trái Đất, hiện tượng này được gọi là sự ấm lên toàn cầu, và nhiều biến đổi khác của hệ thống khí hậu. Trong thế kỷ trước, nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng  $0.7^\circ\text{C}$ . Biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến nhiều vấn đề, bao gồm kinh tế quốc dân, phát triển xã hội cũng như bảo vệ sinh thái và môi trường, năng lượng và tài nguyên nước, an ninh lương thực và sức khỏe con người. Biến đổi khí hậu cũng liên quan chặt chẽ đến sự phát triển xã hội loài người. Biến đổi khí hậu do con người gây ra sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng như: mực nước biển dâng, bão xuất hiện thường xuyên hơn cùng với xoáy thuận, lũ lụt, hạn hán gây nhiều thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

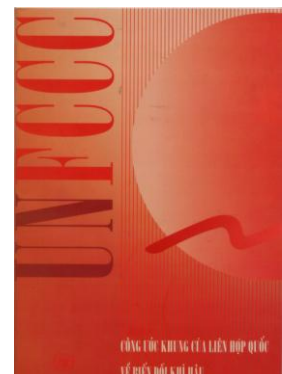
Biến đổi khí hậu và những tác động tiêu cực của nó là mối quan tâm chung của nhân loại và là một trong những vấn đề gây nhiều tranh luận nhất trong đàm phán quốc tế.



## 2. Công - ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC)

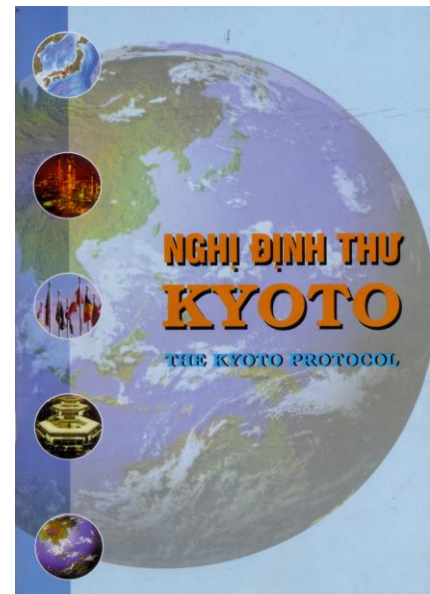
Để đối phó với thách thức về môi trường toàn cầu, tại “Hội nghị thượng đỉnh Trái Đất” năm 1992 tổ chức tại Ri-ô đê Gia-nê-rô, Bra-xin, hơn 180 nước đã thông qua UNFCCC. Các Bên của Công - ước đã nhất trí sẽ ổn định nồng độ KNK trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa được sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu.

(Ảnh: Công - ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu)



### 3. Nghị định th- Kyoto (KP)

Vào tháng 12 năm 1997, KP đã đ- ợc các Bên của UNFCCC thông qua, đánh dấu một mốc quan trọng trong những cố gắng của toàn thế giới nhằm bảo vệ môi tr- ờng và đạt đ- ợc phát triển bền vững. KP đặt ra những mục tiêu nhằm giảm phát thải KNK định l- ợng đối với các n- ớc phát triển và các n- ớc có nền kinh tế đang chuyển đổi. Toàn bộ các n- ớc này cam kết trong thời kỳ cam kết đầu tiên (2008-2012) trung bình mỗi năm sẽ giảm tổng phát thải của họ xuống thấp hơn 5,2% so với mức phát thải của năm 1990. Theo KP, các n- ớc đang phát triển không phải cam kết giảm phát thải nh- ng phải báo cáo định kỳ l- ợng phát thải của n- ớc mình.



*Nghị định thư Kyoto của UNFCCC*

KP xây dựng ba “Cơ chế mềm dẻo” để giúp các nước phát triển giảm chi phí thực hiện mục tiêu giảm phát thải bằng cách giảm phát thải ở các n- ớc khác với mức chi phí thấp hơn so với thực hiện giảm phát thải trong n- ớc mình.

KP có hiệu lực từ ngày 16 tháng 2 năm 2005.

### 4. Các nguồn KNK

Các mục tiêu của KP nhằm vào sáu loại KNK chính: CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, HFCs, PFCs và SF<sub>6</sub>.

- + CO<sub>2</sub> phát thải khi đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) và là nguồn KNK chủ yếu do con ng- ời gây ra trong khí quyển. CO<sub>2</sub> cũng sinh ra từ các hoạt động công nghiệp nh- sản xuất xi măng (do nung đá có chứa cac-bô-nát) và cán thép (cac-bon phát thải từ than cốc).
- + CH<sub>4</sub> sinh ra từ các bãi rác, lên men thức ăn trong ruột động vật nhai lại, hệ thống khí, dầu tự nhiên và khai thác than.
- + N<sub>2</sub>O phát thải từ phân bón và các hoạt động công nghiệp.
- + HFCs đ- ợc sử dụng thay cho các chất phá hủy ô-dôn (ODS) và HFC-23 là sản phẩm phụ của quá trình sản xuất HCFC-22.
- + PFCs sinh ra từ quá trình sản xuất nhôm.
- + SF<sub>6</sub> sử dụng trong vật liệu cách điện và trong quá trình sản xuất ma-giê.



*Một số hoạt động phát thải KNK do con ng- ời gây ra: đốt rừng, sản xuất công nghiệp, v.v.*

## 5. Cơ chế Phát triển sạch (CDM)

Trong ba cơ chế của KP, CDM là cơ chế đặc biệt liên quan đến các n- ớc đang phát triển. Theo Điều 12 của KP, mục tiêu của CDM là:

- Giúp giảm nhẹ biến đổi khí hậu
- Giúp các n- ớc đang phát triển đạt đ- ợc sự phát triển bền vững và góp phần thực hiện mục tiêu cuối cùng của UNFCCC
- Giúp các n- ớc phát triển thực hiện cam kết về hạn chế và giảm phát thải định l- ợng KNK theo Điều 3 của KP.

## 6. Nội dung cơ bản của CDM

- + Các công ty quốc doanh t- nhân ở các n- ớc phát triển đầu t- vào các dự án ở các n- ớc đang phát triển để góp phần giảm phát thải KNK;
- + Thông qua đầu t- vào các n- ớc đang phát triển, các n- ớc phát triển có thể nhận được “Các giảm phát thải được chứng nhận”(CERs) để thực hiện cam kết giảm KNK theo KP;
- + Giúp ở các n- ớc đang phát triển cũng có thể tự mình đầu t- vào các dự án giảm phát thải trong n- ớc;
- + Các n- ớc đang phát triển có thể bán các tín dụng phát thải thu đ- ợc của mình cho các n- ớc phát triển d- ới dạng CERs;
- + Các dự án này sẽ làm hiện đại hóa một số lĩnh vực ở các n- ớc đang phát triển, đồng thời đóng góp tích cực vào bảo vệ khí hậu toàn cầu.

Nh- vậy, các dự án CDM giúp cho cả hai phía các n- ớc phát triển và đang phát triển đạt đ- ợc sự phát triển bền vững và giảm phát thải KNK.

## 7. Những nguyên tắc cơ bản của CDM

- Dự án đề xuất phải chứng minh rằng hoạt động (mà nhờ đó giảm đ- ợc phát thải KNK) sẽ không xảy ra nếu không có dự án.
- Dự án phải thúc đẩy phát triển bền vững của n- ớc chủ nhà.

Vì mục tiêu đó, CDM đ- ợc Ban Chấp hành (EB) giám sát. EB hoạt động d- ới sự chỉ đạo của các Bên của KP. EB chịu trách nhiệm thẩm tra xem một đề xuất có phù hợp để trở thành dự án CDM hay không theo các tiêu chuẩn của KP và theo h- ớng dẫn của Hội nghị các Bên (COP).

N- ớc chủ nhà sẽ đánh giá xem dự án CDM đề xuất có góp phần vào sự phát triển bền vững của n- ớc mình hay không theo các tiêu chí đánh giá do n- ớc chủ nhà đặt ra.

## 8. Các điều kiện để tham gia vào CDM

Các n- ớc phát triển và đang phát triển phải đáp ứng ba yêu cầu cơ bản sau:

- + Tự nguyện tham gia;
- + Thành lập Cơ quan thẩm quyền quốc gia về CDM;
- + Phê chuẩn KP.

Ngoài ra, các n- ớc phát triển phải đáp ứng các yêu cầu bổ sung nh- :

- Đặt ra l- ợng chỉ định theo quy định của Điều 3 của KP;
- Có hệ thống quốc gia tính toán KNK;
- Đăng ký quốc gia;
- Kiểm kê hàng năm;
- Có hệ thống kế toán mua và bán phần giảm phát thải.

## 9. Ai bán CERs?

Các công ty t- nhân hoặc quốc doanh của tất cả các n- ớc đang phát triển (trong đó có Việt Nam) đều có thể là ng- ời bán CERs thu đ- ợc từ các dự án CDM thực hiện tại n- ớc mình. Khi đ- ợc bán cho một n- ớc phát triển, CERs đó có thể đ- ợc tính trực tiếp vào phần thực hiện nghĩa vụ giảm phát thải KNK của n- ớc phát triển đó, có thể đ- ợc bán cho một bên thứ ba cần có CERs để thực hiện cam kết theo KP hoặc giữ lại để sử dụng về sau. Vì thế, bất cứ cơ quan nào sở hữu CERs ch- a sử dụng, đ- ợc để dành hoặc đem mua bán và tìm kiếm cơ hội bán phần giảm phát thải định l- ợng này đều có thể trở thành ng- ời bán CERs.

Đầu năm 2005, - ớc tính trong phần giảm phát thải của các dự án CDM “nằm trong danh sách” có 36% thuộc về Châu Á và 61% thuộc về Châu Mỹ La- tinh. Phần đóng góp của Châu Phi trong các hoạt động CDM còn rất ít.

## 10. Ai mua CERs?

Ng- ời mua lớn nhất là Doanh nghiệp Tài chính các- bon (CFB, đại diện cho nhiều chính phủ và một số công ty Châu Âu) của Ngân hàng Thế giới thông qua một số quỹ nh- Quỹ các- bon ban đầu (PCF), Quỹ các- bon phát triển cộng đồng (CDC), Quỹ các- bon sinh học và các quỹ riêng của các chính phủ nh- quỹ các- bon của Tây Ban Nha và của I-ta-li-a. Chính phủ Hà Lan là khách hàng mua lớn nhất với số vốn khoảng 800 triệu ơ-rô và sử dụng một số công cụ để mua. Một số chính phủ Châu Âu đã phát động các ch- ơng trình ủng hộ CDM. Các cơ quan, tổ chức của Nhật Bản là khách hàng t- nhân lớn nhất muốn mua các giảm phát thải CDM. Theo cơ chế mua bán phát thải của Châu Âu, các công ty có thể sử dụng CERs để thực hiện nghĩa vụ của mình, vì thế nhu cầu của các công ty Châu Âu rất có thể sẽ tăng lên. Tổng nhu cầu phía ng- ời mua đã đạt xấp xỉ 1 tỷ ơ-rô.

## 11. Lợi ích từ CDM

Dự án CDM mang về nhiều lợi ích cho cả phía đầu t- và phía chủ nhà.

### a. *N-ớc chủ nhà*

Các dự án CDM là nguồn đầu t- n-ớc ngoài mới đầy tiềm năng. Các n-ớc đang phát triển có thể nhận đ-ợc đầu t- n-ớc ngoài để đạt các mục tiêu phát triển của mình đồng thời giảm nhẹ biến đổi khí hậu toàn cầu. Các dự án CDM cũng làm tăng thêm các dự án phát triển hiện nay. Ngoài ra, CDM còn mang lại lợi ích về đa dạng sinh học, bảo vệ môi tr-ờng, nguồn n-ớc và không khí sạch hơn, tạo việc làm và góp phần xóa giảm đói nghèo.

### b. *Đối tác chủ nhà*

Các đối tác chủ nhà sẽ có thêm các nguồn đầu t- bổ sung cho doanh nghiệp của mình. Trong từng tr-ờng hợp cụ thể, các lợi ích đó sẽ khác nhau nh-ng nhìn chung các đối tác chủ nhà sẽ tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới hiệu quả hơn, nâng cao tính khả thi của dự án và tăng thêm vốn đầu t-. Những khoản đầu t- này có thể đem lại những lợi ích cạnh tranh quyết định.

### c. *N-ớc đầu t-*

Các dự án CDM là một ph-ơng án để các n-ớc phát triển thu đ-ợc tín dụng giảm phát thải với mức chi phí thấp hơn vì chi phí biên giảm phát thải KNK ở các n-ớc phát triển th-ờng cao hơn ở các n-ớc đang phát triển.

### d. *Đối tác đầu t-*

Các dự án CDM cho phép các đối tác t- nhân hoặc thành phần khác tuân theo các quy định giảm KNK trong n-ớc và là một cơ chế nhằm giúp các n-ớc phát triển thực hiện cam kết của mình theo KP với chi phí thấp hơn. Các đối tác đầu t- có thể xây dựng và đầu t- vào các dự án CDM tùy thuộc lợi nhuận thu đ-ợc. Phần lợi nhuận cho khoản đầu t- sẽ là tín dụng CER có thể dùng để thực hiện cam kết giảm KNK, có thể để dành hoặc bán đi. Đầu t- ở đây có thể là đóng góp về tài chính; giá trị tài sản toàn phần hoặc 1 phần; cho vay hoặc cho thuê tài chính; hoặc hợp đồng mua CERs.

## 12. Khi nào có thể bắt đầu triển khai các dự án CDM?

Các hoạt động dự án bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2000 có thể tham gia vào CDM nh-ng phải đ-ợc đăng ký tr-ớc ngày 1 tháng 12 năm 2005. Một dự án chỉ có thể nhận đ-ợc tín dụng giảm phát thải sau khi bắt đầu thực hiện dự án CDM. Tín dụng từ dự án CDM có thể đ-ợc sử dụng bất cứ lúc nào sau khi n-ớc đầu t- phê chuẩn KP và KP có hiệu lực.

### 13. Các loại dự án quy mô nhỏ

Theo các thể thức và thủ tục CDM, có ba loại dự án quy mô nhỏ sau:

- Hoạt động dự án năng lượng tái tạo có công suất đầu ra tối đa tương đương 15 MW (hoặc đơn vị tính tương đương);
- Hoạt động dự án nâng cao hiệu quả năng lượng làm giảm tiêu thụ năng lượng, phía cung hoặc cầu, tối đa tương đương 15 GWh/năm;
- Các hoạt động dự án khác vừa giảm các nguồn phát thải do con người gây ra vừa trực tiếp giảm phát thải dưới 15.000 tấn CO<sub>2</sub> tương đương/năm.



*Sử dụng sức gió*



*Trồng rừng*



*Thủy điện*

### 14. Các giá trị và lợi ích mang lại cho Việt Nam nhờ tham gia vào các hoạt động CDM ?

CDM có thể:

- Thu hút vốn cho các dự án hỗ trợ chuyển đổi sang một nền kinh tế thịnh vượng hơn nhưng ít phát thải carbon hơn;
- Khuyến khích và cho phép các khu vực công và tư nhân tích cực tham gia;
- Cung cấp một công cụ chuyển giao công nghệ, đầu tư tập trung vào các dự án thay thế công nghệ nhiên liệu hóa thạch cũ, kém hiệu quả hoặc tạo ra những ngành công nghiệp mới có công nghệ thân thiện với môi trường;
- Hỗ trợ xác định hướng ưu tiên đầu tư vào các dự án đạt mục tiêu phát triển bền vững.

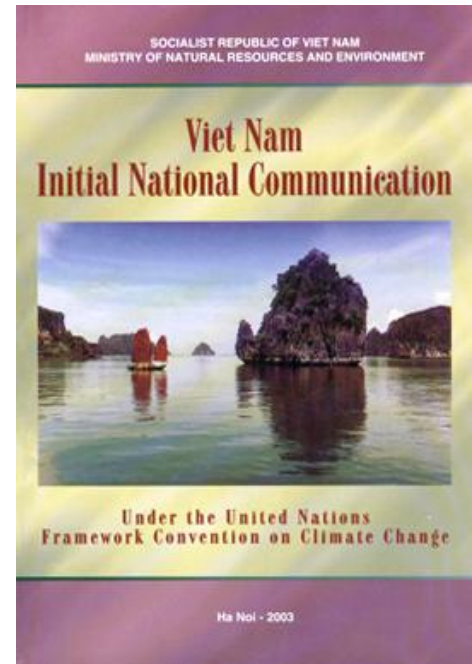
Đặc biệt là CDM còn góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam thông qua:

- Chuyển giao công nghệ và các nguồn tài chính mới;
- Sản xuất năng lượng theo hướng bền vững;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo tồn và tiết kiệm năng lượng;
- Bảo vệ môi trường;
- Xóa giảm đói nghèo nhờ tăng thu nhập và tạo thêm công ăn việc làm;
- Hỗ trợ các chương trình phát triển của trung ương, địa phương và ngành.

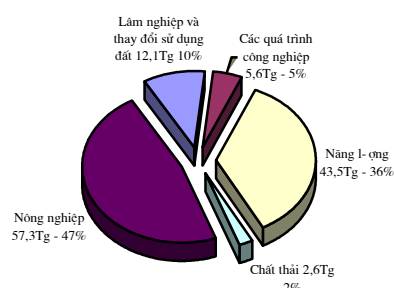


## 15. Hoạt động của Việt Nam trong việc tham gia CDM ?

- Việt Nam ký UNFCCC ngày 11 tháng 6 năm 1992 và phê chuẩn ngày 16 tháng 11 năm 1994;
- Việt Nam ký KP ngày 3 tháng 12 năm 1998 và phê chuẩn ngày 25 tháng 9 năm 2002;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) được Chính phủ giao là Cơ quan đầu mối của Chính phủ tham gia và thực hiện UNFCCC và KP đồng thời là Cơ quan quốc gia về CDM của Việt Nam;
- Thành lập đội chuyên gia trong nước về biến đổi khí hậu và chuyên gia kỹ thuật về CDM gồm các chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ của nhiều Bộ, ngành, tổ chức có liên quan có nhiệm vụ quản lý, điều phối việc thực hiện các hoạt động về biến đổi khí hậu và CDM;
- Đã tiến hành một số nghiên cứu và một số dự án liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM;
- Đã hoàn thành và gửi Thông báo quốc gia đầu tiên về biến đổi khí hậu của Việt Nam cho Ban thư ký UNFCCC vào tháng 11 năm 2003 tại COP9, Mi-lan, I-ta-li-a;
- Hoàn thành dự án Nghiên cứu chiến lược quốc gia về CDM của Việt Nam do Chính phủ Australia tài trợ thông qua Ngân hàng Thế giới;
- Đang triển khai dự án “Tăng cường năng lực thực hiện CDM tại Việt Nam” do Chính phủ Hà Lan tài trợ thông qua UNEP;
- Dự án “Hợp tác về tổ chức và đối thoại đa phương EU – Châu Á về tăng cường sự tham gia hiệu quả của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia vào CDM” trong khuôn khổ Chương trình ProEco EU Châu Á với hai đối tác Châu Âu là HWWA và JIN đang được thực hiện tại Việt Nam.



*Thông báo quốc gia đầu tiên của*



*Kết quả kiểm kê KNK của Việt Nam cho năm 1998*

Năm	1998	2010	2020	2030
Lĩnh vực				
Năng lượng	43,53	105,17	196,98	396,35
Lâm nghiệp và thay đổi sử dụng đất	12,11	-21,70	-28,40	-32,10
Nông nghiệp	57,35	57,20	64,70	68,29
Tổng	112,99	140,67	233,28	432,54

*Dự báo phát thải KNK của Việt Nam*



## 16. Cơ quan thẩm quyền quốc gia (DNA) của Việt Nam

Vụ Hợp tác Quốc tế (ICD) của MONRE đ- ợc giao là Cơ quan đầu mối trong n- ớc về CDM vào tháng 3 năm 2003. Cơ quan này giữ vai trò là Cơ quan thẩm quyền quốc gia của Việt Nam về CDM.



*Bộ Tài nguyên và Môi trường*

*Chức năng và nhiệm vụ của DNA của Việt Nam:*

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá quốc gia, các quy định và h- ớng dẫn về CDM;
- Đánh giá các dự án CDM ở cấp quốc gia;
- Trình các dự án CDM tiềm năng cho Ban T- vấn - Chỉ đạo về CDM để đánh giá;
- Tiếp nhận, đánh giá và trình Tài liệu ý t- ờng dự án (PIN) hoặc Văn kiện thiết kế dự án (PDD) do các bên tham gia dự án xây dựng để Bộ tr- ờng Bộ Tài nguyên và Môi tr- ờng ban hàng th- tán thành hoặc th- phê duyệt;
- Cung cấp thông tin về CDM cho các nhà đầu t- , các tổ chức và công ty (nhà n- ớc hoặc t- nhân) có liên quan;
- Quản lý và điều phối các hoạt động và đầu t- CDM ở Việt Nam.

## 17. Ban T- vấn - Chỉ đạo của Việt Nam về CDM

Ban T- vấn Chỉ đạo của Việt Nam về CDM (CNECB) đ- ợc thành lập vào tháng 4 năm 2003 và do Vụ tr- ờng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi tr- ờng làm tr- ờng ban. CNECB gồm 12 đại diện của Bộ Tài nguyên và Môi tr- ờng (MONRE), Bộ Ngoại giao (MOFA), Bộ Tài chính (MOF), Bộ Kế hoạch và Đầu t- (MPI), Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST), Bộ Công nghiệp (MOI), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD), Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET), Bộ Th- ơng mại (MOT) và Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).



*Cuộc họp lần thứ 3 của CNECB, tháng 9/2004*

*Chức năng và nhiệm vụ của CNECB:*

- T- vấn với Bộ Tài nguyên và Môi tr- ờng về chính sách có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động CDM trong n- ớc;
- Tham m- u h- ớng chỉ đạo và đánh giá các dự án CDM ở Việt Nam.

## 18. Những lĩnh vực tiềm năng có thể xây dựng và thực hiện dự án CDM tại Việt Nam

- Ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo;
- Nâng cao hiệu quả, bảo tồn và tiết kiệm năng lượng;
- Chuyển đổi nhiên liệu;
- Thu hồi và sử dụng CH<sub>4</sub> từ các bãi rác, mỏ than và xử lý nước thải;
- Thu hồi và sử dụng khí đồng hành từ các hoạt động sản xuất dầu;
- Trồng rừng mới và tái trồng rừng.



*Khí đồng hành đang bị đốt bỏ*



*Tái trồng rừng*

## 19. Tiêu chuẩn quốc gia để phê duyệt dự án tại Việt Nam

### 1. Tiêu chuẩn loại trừ:

Những tiêu chuẩn đầu tiên để kiểm tra, lựa chọn dự án CDM bao gồm tính bền vững, tính bổ sung và tính khả thi.

#### a/ Tính bền vững

- Phải phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.
- Phải phù hợp với các mục tiêu chiến lược phát triển ngành và địa phương.

#### b/ Tính bổ sung

- Có tính bổ sung về tác động môi trường: Kết quả giảm phát thải KNK mà dự án tạo ra so với không có dự án.
- Tính bổ sung về tài chính: Tài trợ công cho các dự án CDM không được làm sai lệch Quỹ dành cho Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

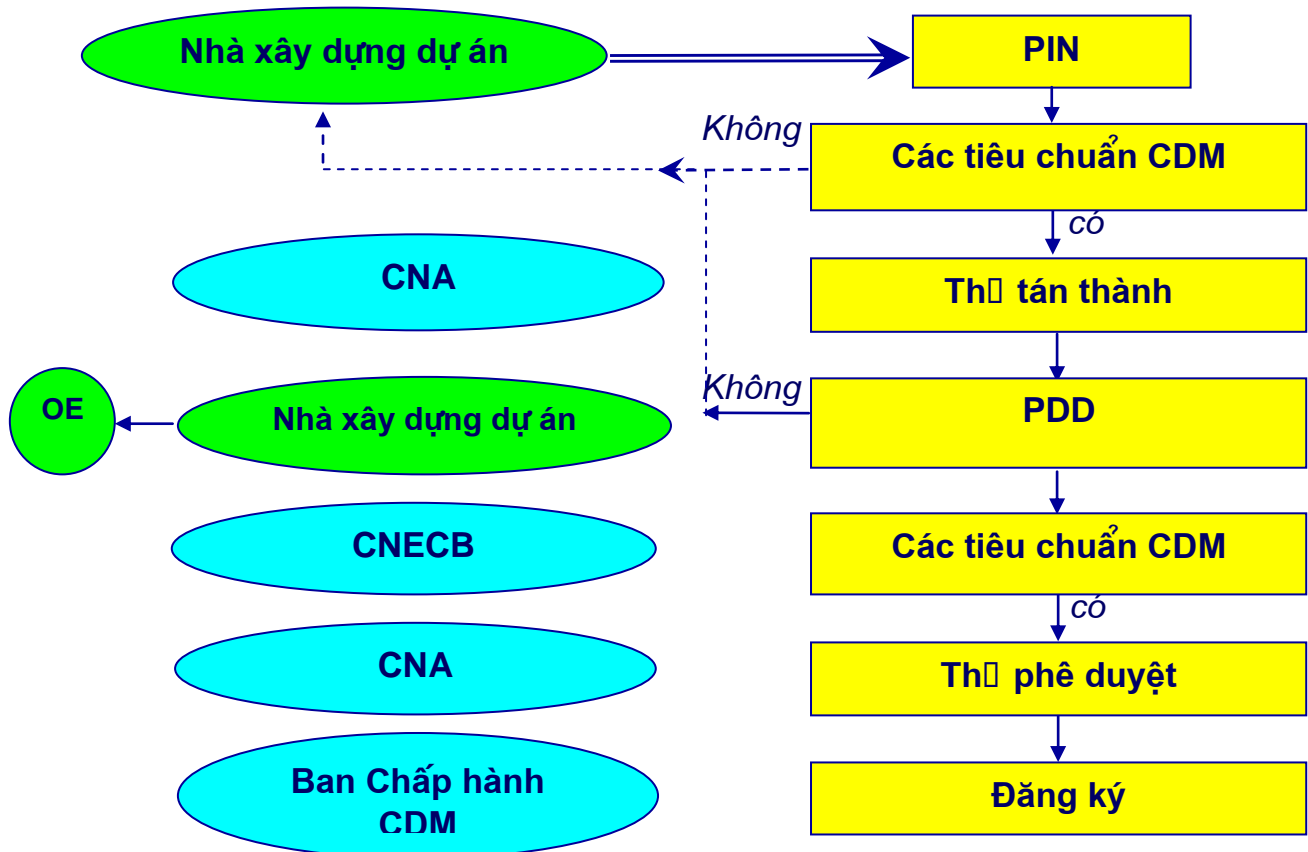
#### c/ Tính khả thi

- Được chính phủ ủng hộ
- Có kết quả thực, đo đếm được và lợi ích lâu dài nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

## 2. Tiêu chuẩn ưu tiên cho các dự án CDM tại Việt Nam

Loại tiêu chuẩn	Nội dung		
A- Tính bền vững	Bền vững về kinh tế	Tạo thu nhập quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng thu nhập</li> <li>- Nguồn lợi từ CER</li> </ul>
		Nguồn lợi kinh tế từ bên ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển giao công nghệ</li> <li>- Thay thế nhập khẩu</li> </ul>
	Bền vững về môi trường	Hiệu ứng nhà kính	- Giảm phát thải KNK
		Các khí ô nhiễm ngoài KNK	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát thải các khí ô nhiễm ngoài KNK</li> <li>- N- ớc nhiễm bản ngoài KNK</li> </ul>
		Rác thải	- Mức độ rác thải
		Hệ sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ thay đổi lớp phủ rừng</li> <li>- Xói mòn đất</li> <li>- Tác động đến đa dạng sinh học</li> </ul>
		Xóa giảm đói nghèo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo việc làm ở nông thôn</li> <li>- Giảm hộ nghèo</li> </ul>
	Bền vững về xã hội	Chất lượng cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo thu nhập</li> <li>- Cải thiện điều kiện sống</li> </ul>
		Mức độ quan tâm của các tổ chức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực công</li> <li>- Khu vực t- nhân</li> </ul>
B- Tính thương mại	Nhu cầu của thế giới		
	Sự hấp dẫn các nhà đầu t-		
C- Tính khả thi	Có đ- ợc sự ủng hộ mạnh mẽ của các cấp chính quyền trung - ơng và địa ph- ơng, thu hút các nhà đầu t- hơn		
	Có nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng phù hợp		

## 20. Thủ tục phê duyệt dự án CDM



## 21. Một số dự án đang nghiên cứu xây dựng tại Việt Nam

### 1. Dự án mẫu về chuyển đổi nhiên liệu cho tổ máy số 3 nhà máy điện Thủ Đức:

- + Nơi thực hiện : quận Thủ Đức nằm ở phía Đông Bắc thành phố Hồ Chí Minh;
- + Các bên tham gia dự án: Tổng công ty điện lực Việt Nam (EVN) và Tổ chức Phát triển năng lượng và công nghệ công nghiệp mới Nhật Bản (NEDO);
- + Hoạt động: Chuyển đổi nhiên liệu từ dầu nặng sang khí tự nhiên cho tổ máy số 3 (66MW);
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 58.000 tấn CO<sub>2</sub> / năm.

### 2. Dự án thu hồi và sử dụng khí bãi rác tại Hải Phòng:

- + Nơi thực hiện: Thôn Lý, tp. Hải Phòng;
- + Các bên tham gia dự án: Chính phủ Phần Lan; Công ty môi trường đô thị Hải Phòng (URENCO) và ủy ban nhân dân tp. Hải Phòng;
- + Hoạt động : chôn lấp, xử lý và/ hoặc thu hồi khí bãi rác;
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 64.543 tấn CO<sub>2</sub> trong thời kỳ thụ hưởng và thời gian tồn tại của dự án: 126.077 tấn CO<sub>2</sub>.

### **3. Dự án thu hồi và sử dụng khí bãi rác ở tp. Hồ Chí Minh:**

- + Nơi thực hiện: tp. Hồ Chí Minh;
- + Các bên tham gia dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường tp. Hồ Chí Minh; Tổ chức năng lượng và khí hậu Grontmij, đầu mối liên hệ cho các hoạt động dự án CDM; ủy ban nhân dân tp. Hồ Chí Minh và Quỹ các-bon đầu tiên, Ngân hàng thế giới;
- + Hoạt động: quản lý rác thải ở thành phố Hồ Chí Minh – bãi rác mới ở Củ Chi và bãi rác đã đóng cửa ở Đông Thạnh; khí thu hồi được có thể sử dụng để phát điện;
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 3.130.300 tấn CO<sub>2</sub> trong thời kỳ thụ hưởng (10 năm).

### **4. Dự án trồng rừng môi trường trên đất mới ở A L-oi, miền Trung Việt Nam:**

- + Nơi thực hiện: huyện A L-oi, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- + Các bên tham gia dự án: ủy ban nhân dân huyện A L-oi; Hội nông dân A L-oi; Lâm trường A L-oi và Tổ chức phát triển Hà Lan;
- + Hoạt động: trồng 3.000 ha rừng.
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 27.528 tấn CO<sub>2</sub>/năm.

### **5. Dự án cung cấp điện cho đảo Phú Quý bằng nguồn kết hợp gió và diesel:**

- + Nơi thực hiện: đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận;
- + Các bên tham gia dự án: Trung tâm nghiên cứu năng lượng và môi trường (chi nhánh tp. Hồ Chí Minh); Công ty điện lực 2 (thuộc Tổng công ty điện lực Việt Nam);
- + Hoạt động: xây dựng hệ thống cung cấp điện kết hợp gió và diesel gồm 2 tổ máy: chạy diesel 6.6 MW và chạy bằng gió 6.6 MW để cung cấp điện cho đảo với giá thành kinh tế và thiện hữu với môi trường phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của đảo.
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 106.371 tấn CO<sub>2</sub> trong thời kỳ thụ hưởng (10 năm).

### **6. Dự án thủy điện sông Bồ:**

- + Nơi thực hiện: Xã Hồng Hạnh, huyện A L-oi, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- + Các bên tham gia dự án: Công ty truyền tải điện số 3 thuộc Tổng công ty điện lực Việt Nam; Công ty phát triển điện và năng lượng mới (Nhật Bản) và Trung tâm nghiên cứu năng lượng và môi trường;
- + Hoạt động: phát điện nhờ sức nước; công suất: 10 MW;
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 17.461 tấn CO<sub>2</sub>/năm.

### **7. Dự án khí sinh học giai đoạn II:**

- + Nơi thực hiện: 50 tỉnh của Việt Nam;
- + Các bên tham gia dự án: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Tổ chức phát triển Hà Lan tại Việt Nam;
- + Hoạt động: xây dựng 150.000 bếp đun gia đình bằng khí sinh học trong thời gian 5 năm tại 50 tỉnh của Việt Nam;
- + Lượng CO<sub>2</sub> giảm được: 7,5 triệu tấn CO<sub>2</sub> trong thời gian tồn tại của dự án.

### **23. Các hoạt động CDM tiếp theo tại Việt Nam:**

- + Nâng cao năng lực và kỹ năng cho các thành viên DNA và CNECB;
  - + Nâng cao kỹ năng xây dựng dự án CDM (thiết kế, tập hợp tài liệu, đàm phán) cho các nhà xây dựng dự án và các bên liên quan của dự án;
  - + Cung cấp thông tin về CDM thông qua các hội thảo, khóa huấn luyện, chương trình giáo dục, diễn đàn, chương trình truyền hình, báo chí nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực công và khu vực tư nhân vào các hoạt động CDM trong nước;
  - + rà soát lại các quy định và luật lệ hiện hành;
  - + Xây dựng khung cơ chế phù hợp cho CDM theo các quy định của KP và yêu cầu của CDM;
  - + Dự thảo và trình Chính phủ ban hành chỉ thị của Chính phủ về thực hiện KP tại Việt Nam
  - + Khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài vào các dự án CDM thông qua việc sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật;
  - + lồng ghép các vấn đề về CDM vào các chiến lược và kế hoạch phát triển địa phương và quốc gia;
  - + Xây dựng Kế hoạch hành động CDM;
  - + Xây dựng hệ thống phê duyệt hiệu quả và rõ ràng;
  - + Xây dựng và ký MOU với những người mua CERs tiềm năng;
  - + Xây dựng và thực hiện các dự án CDM;
  - + Thống nhất và tăng cường hợp tác giữa DNA, CNECB và các bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan;
  - + Học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các nước, các tổ chức quốc tế.
-